

Số: 43 /2022/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn
hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự

nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, ngành: Kế hoạch và ĐT, Tài chính, Lao động TB&XH, Nông nghiệp & PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ các Chương trình của tỉnh;
- Thường trực Thành ủy, huyện ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NNTNMT, Lưu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH
về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển
sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án, mô hình giảm nghèo (sau đây gọi tắt là dự án) hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

b) Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chu kỳ sản xuất*: Là thời gian tính từ khi gieo trồng cho đến khi thu hoạch, từ thời điểm thả giống đến khi xuất bán hoặc số ngày trung bình từ lứa đẻ lần này đến lứa đẻ lần kế tiếp của nái sinh sản bao gồm thời gian mang thai, thời gian nái nuôi con và thời gian lên giống sau cai sữa.

2. *Cây hàng năm*: Là loại cây được gieo trồng, cho thu hoạch và kết thúc chu kỳ sản xuất trong thời gian không quá 01 (một) năm, kể cả cây hàng năm lưu gốc để thu hoạch không quá 05 (năm) năm.

3. *Cộng đồng*: Là toàn thể những người cùng sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội.

4. *Vốn quay vòng*: Là việc sử dụng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để luân chuyển cho các thành viên cùng tham gia dự án sau mỗi chu kỳ sản xuất, hoặc chuyển sang hỗ trợ thực hiện dự án khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. *Tỷ lệ quay vòng*: Là tỷ lệ phần trăm (%) vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước mà đối tượng được nhận phải hoàn trả sau một chu kỳ sản xuất để thực hiện cơ chế quay vòng.

6. *Thu hồi vốn quay vòng*: Là việc thu hồi số vốn quay vòng nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị quản lý vốn cấp huyện mở tại kho bạc nhà nước

khi dự án kết thúc, để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Tỷ lệ quay vòng cụ thể được thống nhất và cam kết thực hiện ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, phương án sản xuất, đảm bảo phù hợp với ngành nghề sản xuất nông nghiệp, điều kiện thực tế tại địa phương và từng hộ hoặc nhóm hộ tham gia dự án. Tỷ lệ quay vòng được quy định cụ thể theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

2. Vốn quay vòng được sử dụng để luân chuyển cho các thành viên trong cùng dự án. Trong trường hợp không đủ điều kiện luân chuyển trong cùng dự án thì thu hồi để quay vòng cho các dự án mới thuộc hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của các chương trình mục tiêu quốc gia được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Vốn quay vòng bằng tiền được nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị được giao vốn tại Kho bạc nhà nước; quá trình thu, chi quay vòng thực hiện dự án được theo dõi, quản lý hạch toán kế toán theo quy định hiện hành.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng, thực hiện dự án và thu hồi phần vốn quay vòng.

5. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện cơ chế quay vòng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hình thức, tỷ lệ, thời gian quay vòng

1. Hình thức quay vòng: Bằng tiền mặt.

2. Tỷ lệ quay vòng: Được xây dựng riêng cho từng dự án, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu sau:

a) Đối với các dự án chăn nuôi đại gia súc: Tỷ lệ quay vòng tối thiểu 10% vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp.

b) Đối với các dự án trồng cây hàng năm, dự án chăn nuôi (trừ dự án chăn nuôi đại gia súc đã quy định tại điểm a): Tỷ lệ quay vòng tối thiểu 5% vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp.

3. Thời gian quay vòng: Bao gồm thời gian thực hiện thu hồi một phần vốn hỗ trợ và sử dụng phần vốn thu hồi đó để quay vòng hỗ trợ cho đối tượng cùng tham gia dự án hoặc nộp vào Quỹ do huyện quản lý để quay vòng thực hiện dự án mới, cụ thể:

a) Quay vòng trong dự án: Tối đa không quá 02 tháng kể từ khi kết thúc chu kỳ sản xuất.

b) Quay vòng thực hiện dự án mới: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi dự án kết thúc (hết thời gian thực hiện dự án và các nội dung hoạt động của dự án đã hoàn thành, được nghiệm thu theo quy định).

Điều 5. Luân chuyển vốn quay vòng

Sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất (được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn), căn cứ Quyết định phê duyệt dự án và các tài liệu liên quan, đơn vị được giao vốn phối hợp với đại diện tổ nhóm cộng đồng tham gia dự án tổ chức thực hiện luân chuyển vốn quay vòng theo nội dung sau:

1. Thông báo cho các thành viên tham gia dự án ngay sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất về việc thu hồi một phần vốn hỗ trợ theo tỷ lệ quy định trong quyết định phê duyệt dự án; các thành viên tham gia dự án có trách nhiệm nộp đủ phần vốn quay vòng theo tỷ lệ quy định.

2. Tổ chức luân chuyển vốn quay vòng: Thu hồi một phần vốn hỗ trợ từ các thành viên tham gia dự án; lập chứng từ thu tiền và nộp tiền vào tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc nhà nước đồng thời mở sổ theo dõi và thực hiện hạch toán kế toán theo quy định; thực hiện hỗ trợ cho thành viên tham gia dự án từ nguồn vốn quay vòng với nội dung, mức hỗ trợ theo quyết định phê duyệt dự án.

3. Trường hợp hỗ trợ vốn cho hộ mới (ngoài danh sách thành viên tham gia dự án) để mở rộng quy mô sản xuất, tiến hành bình chọn hộ đủ điều kiện tham gia dự án (theo quy định về đối tượng hỗ trợ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể), thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án trước khi thực hiện hỗ trợ vốn.

Điều 6. Quản lý, sử dụng phần vốn quay vòng

1. Đối với phần vốn quay vòng trong dự án

a) Mở tài khoản tiền gửi

Đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước để thu hồi một phần vốn hỗ trợ thực hiện quay vòng trong dự án:

- Tên tài khoản: Quỹ quay vòng dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng.
- Chủ tài khoản: Phòng chuyên môn cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã
- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

b) Quản lý, sử dụng vốn quay vòng

Đơn vị được giao vốn thực hiện dự án có trách nhiệm:

- Quản lý và sử dụng phần vốn quay vòng để luân chuyển cho các hộ tham gia dự án theo nội dung và mức hỗ trợ tại quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; đồng thời có trách nhiệm thu hồi số vốn quay vòng khi dự án kết thúc và nộp toàn bộ số vốn quay vòng phải thu cho đơn vị quản lý quỹ quay vòng cấp huyện để hỗ trợ thực hiện dự án mới.

- Mở sổ theo dõi số thu, chi vốn quay vòng từng dự án; thực hiện hạch toán kế toán, quản lý trên hệ thống kế toán và báo cáo tài chính hằng năm theo chế độ kế toán hiện hành; định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn quay vòng, số vốn thu hồi nộp đơn vị quản lý cấp trên gửi phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan chủ quản Chương trình cấp tỉnh.

2. Đối với phần vốn thu hồi để quay vòng thực hiện dự án mới

a) Mở tài khoản tiền gửi

Phòng chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ quản lý phần vốn thu hồi, thực hiện mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước để thu hồi vốn quay vòng từ dự án thuộc các xã trên địa bàn huyện:

- Tên tài khoản: Quỹ quay vòng các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng.
- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Phòng chuyên môn cấp huyện.
- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

b) Quản lý và sử dụng phần vốn thu hồi

Phòng chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ quản lý vốn quay vòng có trách nhiệm:

- Mở sổ theo dõi số thu, chi số kinh phí thu hồi từng xã, chi tiết đến dự án; thực hiện hạch toán kế toán, quản lý kinh phí trên hệ thống kế toán và báo cáo tài chính hằng năm theo chế độ kế toán hiện hành.

- Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng phần vốn thu hồi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chủ quản Chương trình cấp tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về số thu hồi vốn quay vòng của các xã trên địa bàn vào thời điểm lập dự toán ngân sách hằng năm; đồng thời đề xuất phương án sử dụng phần vốn thu hồi để hỗ trợ thực hiện dự án mới thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tương ứng.

- Trong vòng 6 tháng kể từ khi kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, rà soát, tổ chức thu hồi vốn quay vòng tại các dự án để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 7. Xử lý rủi ro

1. Trường hợp dự án không thể tiếp tục triển khai do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác) dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch; căn cứ biên bản xác định mức độ thiệt hại của cơ quan có thẩm quyền, hồ sơ đề nghị của đơn vị được giao vốn và các tài liệu khác có liên quan người có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, điều chỉnh cơ chế quay vòng hoặc thu hồi vốn quay vòng khi quyết định tạm dừng hoặc hủy bỏ dự án, cụ thể:

a) Điều chỉnh tỷ lệ quay vòng, thời gian quay vòng đối với các trường hợp phải thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án.

b) Thu hồi vốn quay vòng (nếu có) đối với các trường hợp dự án phải hủy bỏ.

2. Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao vốn và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo dõi, kiểm tra hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai trên địa bàn.

2. Đơn vị được giao vốn (UBND cấp xã hoặc phòng chuyên môn cấp huyện) thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm cả tỷ lệ quay vòng, kế hoạch quay vòng, luân chuyển và dự kiến thời gian thu hồi nộp vào tài khoản của cơ quan được giao vốn để sử dụng hỗ trợ dự án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, trả lời các kiến nghị, đề xuất của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và nhân dân theo thẩm quyền; theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan; công khai tài chính thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng phần vốn thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

3. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư tổ chức triển khai, tiến độ thực hiện hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn và chấp hành các quy định khác của pháp luật hiện hành.

b) Theo dõi, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dự án có liên quan đến hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện:

a) Kiểm tra, thanh tra tình hình quản lý, sử dụng phần vốn thực hiện cơ chế quay vòng; hướng dẫn các đơn vị, địa phương giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế quay vòng trong quá trình lập, phê duyệt và thực hiện dự án.

b) Tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Các cơ quan chủ quản Chương trình cấp tỉnh:

a) Phối hợp thực hiện kiểm tra, thanh tra tình hình quản lý, sử dụng phần vốn thực hiện cơ chế quay vòng; giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế quay vòng.

b) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên; phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình quay vòng vốn hỗ trợ theo yêu cầu.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này, phản ánh kịp thời với cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất trên địa bàn huyện, trong đó bao gồm các nội dung về cơ chế quay vòng như: Hình thức, tỷ lệ, thời gian, kế hoạch quay vòng vốn; đồng thời xem xét, phân bổ nguồn vốn thu hồi để thực hiện dự án mới theo quy định.

b) Tổ chức thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn quay vòng, thực hiện thu hồi vốn quay vòng định kỳ 6 tháng và hằng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan chủ quản Chương trình để tổng hợp, báo cáo.

c) Kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng vốn trong cộng đồng; chỉ đạo tổ chức thu hồi toàn bộ vốn quay vòng nộp ngân sách nhà nước khi kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư thực hiện trên địa bàn xã nếu được ủy quyền, trong đó bao gồm các nội dung về cơ chế quay vòng như: Hình thức, tỷ lệ, thời gian, kế hoạch quay vòng vốn.

b) Tổ chức thu hồi vốn quay vòng kịp thời để luân chuyển cho hộ kế tiếp đảm bảo thời gian triển khai kế hoạch sản xuất của dự án; quản lý, sử dụng phần vốn quay vòng thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao theo đúng quy định.

c) Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp báo cáo đơn vị quản lý cấp huyện về tình hình triển khai thực hiện cơ chế quay vòng tại các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Đối với các dự án phải tạm dừng hoặc hủy bỏ, sau 03 tháng kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi số kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả và số tiền đã nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc nhà nước.

6. Đối với cộng đồng dân cư được tham gia dự án phát triển sản xuất

Thực hiện quản lý, tổ chức việc quay vòng luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành. Báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ 6 tháng, hằng năm và khi kết thúc dự án, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung./.